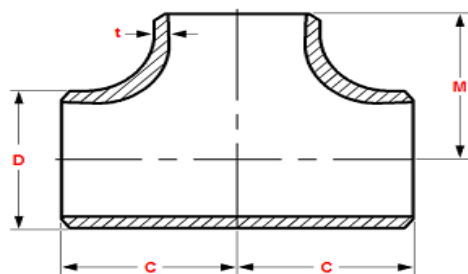
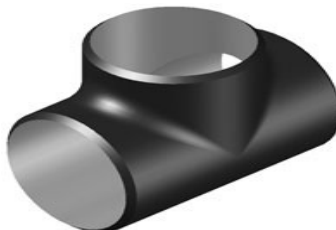


Butt-Weld Equal Tee accordance to ASME B16.9 Specification

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA TÊ ĐỀU, NỐI HÀN THEO TIÊU CHUẨN ASME B16.9



Carbon Steel A234 WPB



Stainless Steel A403 WPS



Size		Outside Dia. D (mm)	Dimension C = M (mm)	Schedule (SCH)	Wall Thickness t (mm)	Weight (kg)	Remark
NPS	Inch	ĐK ngoài	Kích thước C=M		Chiều dày t	Trọng lượng	Ghi chú
DN15	1/2"	Ø21.3	25	5S	1.65	0.05	
				10S	2.11	0.06	
				40S/STD/40	2.77	0.08	
				80S/XS/80	3.73	0.1	
				160	4.78	0.12	
				XXS	7.47	0.16	
DN20	3/4"	Ø26.7	29	5S	1.65	0.08	
				10S	2.11	0.09	
				40S/STD/40	2.87	0.13	
				80S/XS/80	3.91	0.16	
				160	5.56	0.21	
				XXS	7.82	0.27	
DN25	1"	Ø33.4	38	5S	1.65	0.13	
				10S	2.77	0.21	
				40S/STD/40	3.38	0.24	
				80S/XS/80	4.55	0.31	
				160	6.35	0.41	
				XXS	9.09	0.53	
DN32	1-1/4"	Ø42.2	48	5S	1.65	0.2	
				10S	2.77	0.33	
				40S/STD/40	3.56	0.42	
				80S/XS/80	4.85	0.55	
				160	6.35	0.69	
				XXS	9.7	0.96	
DN40	1-1/2"	Ø48.3	57	5S	1.65	0.28	
				10S	2.77	0.46	
				40S/STD/40	3.68	0.6	
				80S/XS/80	5.08	0.8	
				160	7.14	1.06	
				XXS	10.15	1.41	
DN50	2"	Ø60.3	64	5S	1.65	0.39	
				10S	2.77	0.64	
				40S/STD/40	3.91	0.88	
				80S/XS/80	5.54	1.2	
				160	8.74	1.79	
				XXS	11.07	2.18	



THAI SON MECHANICAL CO., LTD.

Tax code: 0309279597

Add: 679/34 Nguyen Kiem St., Ward 3, Go Vap Dist, HCMC.

HCM branch: No. 1007 Phan Van Tri Str., Ward. 7, Go Vap Dist, HCMC. HN branch: 377 La Thanh Str., Thanh Cong Ward, Ba Dinh Dist., HN.

Email: key@thaisonmech.com - Tel: +848.6295.7120 Fax: +848.6295.7124 Email: hn@thaisonmech.com - Tel: (04) 62.777.323 - Fax: (04) 62.777.324

Size		Outside Dia. D (mm)	Dimension C = M (mm)	Schedule (SCH)	Wall Thickness t (mm)	Weight (kg)	Remark
NPS	Inch	ĐK ngoài	Kích thước C=M		Chiều dày t	Trọng lượng	Ghi chú
DN65	2-1/2"	Ø73.0	76	5S	2.11	0.7	
				10S	3.05	0.99	
				40S/STD/40	5.16	1.66	
				80S/XS/80	7.01	2.18	
				160	9.53	2.85	
				XXS	14.02	3.9	
DN80	3"	Ø88.9	86	5S	2.11	0.96	
				10S	3.05	1.36	
				40S/STD/40	5.49	2.42	
				80S/XS/80	7.62	3.25	
				160	11.13	4.55	
				XXS	15.24	5.9	
DN100	4"	Ø114.3	105	5S	2.11	1.5	
				10S	3.05	2.12	
				40S/STD/40	6.02	4.13	
				80S/XS/80	8.56	5.78	
				120	11.13	7.28	
				160	13.49	8.65	
DN125	5"	Ø141.3	124	XXS	17.12	10.57	
				5S	2.77	2.88	
				10S	3.4	3.48	
				40S/STD/40	6.55	6.61	
				80S/XS/80	9.53	9.3	
				120	12.7	12.14	
DN150	6"	Ø168.3	143	160	15.88	14.82	
				XXS	19.05	17.27	
				5S	2.77	3.94	
				10S	3.4	4.77	
				40S/STD/40	7.11	9.73	
				80S/XS/80	10.97	14.71	
DN200	8"	Ø219.1	178	120	14.27	18.73	
				160	18.26	23.23	
				XXS	21.95	27.27	
				5S	2.77	6.34	
				10S	3.76	8.56	
				20	6.35	14.25	
DN250	10"	Ø273.1	216	40S/STD/40	8.18	18.1	
				80S/XS/80	12.7	27.44	
				120	18.26	38.27	
				160	23.01	47.21	
				5S	3.4	11.57	
				10S	4.19	14.24	
				20	6.35	21.53	
				40S/STD/40	9.27	30.94	
				80S/XS	12.7	41.71	
				80	15.09	49.14	
				120	21.44	67.93	
				160	28.58	88.19	



THAI SON MECHANICAL CO., LTD.

Tax code: 0309279597

Add: 679/34 Nguyen Kiem St., Ward 3, Go Vap Dist, HCMC.

HCM branch: No. 1007 Phan Van Tri Str., Ward. 7, Go Vap Dist, HCMC. HN branch: 377 La Thanh Str., Thanh Cong Ward, Ba Dinh Dist., HN.

Email: key@thaisonmech.com - Tel: +848.6295.7120 Fax: +848.6295.7124 Email: hn@thaisonmech.com - Tel: (04) 62.777.323 - Fax: (04) 62.777.324

Size		Outside Dia. D (mm)	Dimension C = M (mm)	Schedule (SCH)	Wall Thickness t (mm)	Weight (kg)	Remark
NPS	Inch	ĐK ngoài	Kích thước C=M		Chiều dày t	Trọng lượng	Ghi chú
DN300	12"	Ø323.9	254	5S	3.96	18.93	
				10S	4.57	21.73	
				20	6.35	30.7	
				40S/STD	9.53	44.2	
				40	10.31	47.8	
				80S/XS	12.7	58.48	
				80	17.48	78.92	
				120	25.4	112.19	
DN350	14"	Ø355.6	279	160	33.32	143.19	
				5S	3.96	22.86	
				10S	4.78	27.37	
				20	7.92	44.65	
				STD	9.53	53.45	
				40	11.13	62.16	
				XS	12.7	70.79	
				80	19.05	103.96	
DN400	16"	Ø406.4	305	5S	4.19	29.65	
				10S	4.78	33.84	
				20	7.92	55.26	
				STD	9.53	66.18	
				40	12.7	87.76	
				XS	12.7	87.76	
				80	21.44	144.62	
DN450	18"	Ø457.2	343	5S	4.19	37.55	
				10S	4.78	42.86	
				20	7.92	70.06	
				STD	9.53	83.95	
				40	14.27	125.01	
				XS	12.7	111.42	
				80	23.83	203.59	
DN500	20"	Ø508.0	381	5S	4.78	52.95	
				10S	5.54	60.59	
				20	9.53	103.82	
				STD	9.53	103.82	
				40	15.09	163.17	
				XS	12.7	137.9	
				80	26.19	276.73	
DN550	22"	Ø559.0	419	5S	4.78		
				10S	5.54		
				20	9.53		
				STD	9.53		
				40	-		
				XS	12.7		
				80	28.58		
DN600	24"	Ø609.6	432	5S	5.54	81.19	
				10S	6.35	94.34	
				20	9.53	139.32	



THAI SON MECHANICAL CO., LTD.

Tax code: 0309279597

Add: 679/34 Nguyen Kiem St., Ward 3, Go Vap Dist, HCMC.

HCM branch: No. 1007 Phan Van Tri Str., Ward. 7, Go Vap Dist., HCMC.

Email: key@thaisonmech.com - Tel: +848.6295.7120 Fax: +848.6295.7124

HN branch: 377 La Thanh Str., Thanh Cong Ward, Ba Dinh Dist., HN.

Email: hn@thaisonmech.com - Tel: (04) 62.777.323 - Fax: (04) 62.777.324

Size		Outside Dia. D (mm)	Dimension C = M (mm)	Schedule (SCH)	Wall Thickness t (mm)	Weight (kg)	Remark
NPS	Inch	ĐK ngoài	Kích thước C=M		Chiều dày t	Trọng lượng	Ghi chú
DN600	24"	Ø609.6	432	STD	9.53	139.32	
				40	17.48	253.21	
				XS	12.7	185.25	
				80	30.96	438.32	
DN650	26"	Ø660.4	495	20	12.7	234.25	
				STD	9.53	176.09	
				XS	12.7	234.25	
DN700	28"	Ø711.2	521	20	12.7	264.13	
				STD	9.53	198.48	
				XS	12.7	264.13	
DN750	30"	Ø762.0	559	20	12.7	304.13	
				STD	9.53	228.47	
				XS	12.7	304.13	
DN800	32"	Ø813.0	597	20	12.7	346.95	
				STD	9.53	260.57	
				XS	12.7	346.95	
DN850	34"	Ø864.0	635	20	12.7	392.59	
				STD	9.53	294.77	
				XS	12.7	392.59	
DN900	36"	Ø914.0	673	20	12.7	441.05	
				STD	9.53	331.09	
				XS	12.7	441.05	
DN950	38"	Ø965.2	711	STD	9.53	369.51	
				XS	12.7	492.32	
DN1000	40"	Ø1016	749	STD	9.53	410.04	
				XS	12.7	546.42	

Phụ kiện Inox tiêu chuẩn vật liệu ASTM A403 WPS 304, 304L, 316, 316L có chiều dày và trọng lượng tương ứng : SCH5S, SCH10S, SCH40S, SCH80S.

Phụ kiện Thép tiêu chuẩn vật liệu ASTM A234 WPB có chiều dày và trọng lượng tương ứng : SCH20, STD, SCH40, XS, SCH80, SCH120, SCH160, XXS.